

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2022/HC-PT

Ngày: 29 - 3 - 2022

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Lê Văn An

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/3/2022 và 29/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 747/2020/TLPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 1129/2020/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 394/2021/QĐ - PT ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Võ Kim T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 16/7 đường 100 phường T1, thành phố T2 (Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh(Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đào Thanh B, sinh năm 1948 (có mặt)

Địa chỉ: D8A cư xá Đ, tổ 7, khu phố 6, phường T3, thành phố T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Lê Văn H8 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T2 (quận T11 cũ)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Anh T4 - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T2 (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1987 – Cán sự phòng Quản lý đô thị thành phố T2, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bà Thịnh Thị P, sinh năm 1988 – Chuyên viên Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng thành phố T2, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1945 (có mặt)

Địa chỉ: Số 431 T6, Phường 14, quận T7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Đào Thanh B, sinh năm 1948 (có mặt)

Địa chỉ: D8A cư xá Đ, tổ 7, khu phố 6, phường T3, thành phố T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Luật sư Lê Văn H8 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Võ Kim T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là bà Võ Kim T trình bày:

Nguồn gốc đất: Phần đất mà cha bà T là ông Võ Tấn T8 tạo lập có diện tích 3.573,3m² (Đo đạc thực tế là 4.634,8m²) thuộc một phần lô số 260-143 tờ bản đồ thứ 6, xã T9 (Tài liệu trước năm 1975); một phần thửa 43, tờ 1, xã T9, huyện T10 nay là phường L1, quận T11 (nay là thành phố T2), Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu 299/TTg), có nguồn gốc do bà Võ Thị L2 đồng bộ từ trước năm 1975 nhưng không sử dụng, do đó Ủy ban nhân dân xã T9 đã đứng tên đăng ký theo tài liệu 299/TTg. Tuy nhiên, cho bà T là ông Võ Tấn T8 cùng gia đình quản lý sử dụng phần đất này từ năm 1978.

Ngày 09/10/2001, cha bà T cùng tất cả các thành viên trong gia đình đã bán lại phần đất này cho bà Trần Thị Bích L. Việc mua bán có lập giấy tay và có ông Đào Thanh B làm chứng.

Sau khi nhận đủ tiền từ bà L, gia đình bà T đã bàn giao toàn bộ phần đất trên cho bà L quản lý sử dụng từ năm 2001.

Bà Thái Thị Đ1 có tranh chấp với cha bà T đối với phần đất này vào năm 2008.

Ngày 01/12/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) ban hành Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 01/12/2008 giải quyết tranh

chấp. Theo đó, bác yêu cầu của Bà Đ1.

Bà Đ1 tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2).

Sau đó Bà Đ1 khởi kiện vụ án hành chính đối với các quyết định giải quyết tranh chấp ra tòa án. Tuy nhiên, cả 2 cấp Tòa án đều bác yêu cầu của bà Thái Thị Đ1.

Trước đó, vào tháng 01 năm 1999, giữa cha bà T (ông Võ Tấn T8) với tư cách là chủ đất đã cùng Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường L1 quận T11 (nay là thành phố T2) tiến hành lập “Biên bản đền bù bàn giao đất và nhận tiền đền bù”.

Theo nội dung Biên bản trên thì phần đất mà gia đình bà T sử dụng vào thời điểm đó có 79,1m² thuộc quy hoạch của dự án Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 72/TTg ngày 27/01/1995; Quyết định số 15/2001/QĐ-TTg ngày 12/02/2001 và Quyết định số 660/QĐ-TTg ngày 17/6/2003 đều của Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Sau khi các bên lập biên bản, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách là chủ đầu tư đã bàn giao cho cha bà T số tiền 13.367.000 đồng theo Phiếu chi số 103 ngày 12/02/1999.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền từ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, gia đình bà T vẫn quản lý và sử dụng phần đất này cho đến khi bán cho bà Trần Thị Bích L vào năm 2001 mà không có bất cứ ai yêu cầu bàn giao.

Việc Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án mang tầm quốc gia, gia đình bà T luôn ủng hộ. bà T và gia đình đã bàn bạc với bà Trần Thị Bích L sẽ tiến hành bàn giao phần đất này cho cơ quan có thẩm quyền.

Tuy nhiên, như bà T đã trình bày ở trên, phần đất này thuộc dự án đường vành đai của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và thực tế cha bà T cũng đã nhận tiền đền bù của dự án, nhưng nay Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) lại ban hành Quyết định cưỡng chế buộc bà T phải giao đất để phục vụ thực hiện dự án Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông T12 (Trạm 2) đến tranh tỉnh Bình Dương là không đúng quy định của pháp luật.

Như bà T đã phân tích ở trên, gia đình bà T thậm chí cả bà Lý sau này cũng đồng ý bàn giao đất cho Nhà nước nhưng với điều kiện là căn cứ pháp lý thu hồi phải đúng quy định của pháp luật và đúng với quy hoạch dự án đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định từ năm 1995.

Việc ban hành Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2019 (Quyết định 1660/QĐ-UBND) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) có thể là hành vi để hợp thức hóa cho những sai phạm trước đó có hệ thống của một tổ chức, cá nhân vì lợi ích nhóm mà làm trái quy định của

pháp luật do đất thuộc dự án Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nhưng lại cưỡng chế giao cho dự án khác (dự án Mở rộng Quốc lộ 1). Đây là câu hỏi mà nhiều lần bà T đặt ra cho các cán bộ, cơ quan có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) nhưng đều không được trả lời một cách thỏa đáng.

Ngoài ra, tại Quyết định số 1660/QĐ-UBND còn viện dẫn Quyết định số 7821/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) (gọi tắt là Quyết định số 7821/QĐ-UBND) về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Nút giao thông T12 (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương. Mặc dù là người bị ảnh hưởng bởi quyết định thu hồi đất và sau đó Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) ban hành Quyết định 7821/QĐ-UBND nhưng bà T và các thành viên trong gia đình hoàn toàn không được cơ quan nào giao Quyết định này và cũng không nhận được số tiền bồi thường, hỗ trợ như nội dung Quyết định số 7821/QĐ-UBND.

Không riêng gì gia đình bà T, những gia đình có đất bị thu hồi tương tự đã nhiều lần làm việc với các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu làm rõ ranh thu hồi đất tính từ tim đường Quốc lộ 1 vào là bao nhiêu mét, 63,5 mét hay 70 mét, tuy nhiên, những nội dung này bà T không nhận được văn bản trả lời.

Theo bà T được biết Văn bản số 2073/UBND-QLĐT ngày 21/10/2008 của Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) thể hiện ranh quy hoạch đối với dự án này là 63,5 mét tính từ tim đường. Với nội dung này thì phần mà gia đình bà T sử dụng không nằm trong ranh quy hoạch nên không bị thu hồi.

Một trong những hộ dân có đất bị thu hồi giống như bà T là ông Phạm Văn Tráng, địa chỉ: 19/9, Tổ 9, khu phố 6, phường L1, quận T11 (nay là thành phố T2) đã có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) cung cấp văn bản này (Văn bản số 2073/UBND-QLĐT) nhưng bị từ chối vì lý do đây là tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ.

Như vậy, việc cưỡng chế đối với công trình nhà ở theo Quyết định số 1660/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) là không rõ ràng, không có căn cứ pháp lý và xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, bà T khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2), Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế phá dỡ công trình nhà ở thuộc diện phải giải tỏa để thu hồi đất.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) có Công văn số 3944/UBND-QLĐT ngày 13/9/2019 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện:

Căn cứ Quyết định số 3453/QĐ-UB ngày 20/8/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi và giao đất cho Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và quản lý tại phường L1 và L3, quận T11 (nay là thành phố T2).

Căn cứ Quyết định số 7821/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong Dự án Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông T12 (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông T12 (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương.

Căn cứ khoản 3 Điều 92 của Luật nhà ở năm 2014: Nhà ở thuộc diện phải giải tỏa để thu hồi đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Căn cứ Khoản 1 Điều 95 của Luật nhà ở năm 2014: Trường hợp nhà ở phải phá dỡ theo quy định tại Điều 92 của Luật này mà chủ sở hữu nhà ở, chủ đầu tư công trình hoặc người đang quản lý, sử dụng không tự nguyện thực hiện việc phá dỡ nhà ở thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ nhà ở:

Bà Võ Kim T không tự nguyện thực hiện phá dỡ phần công trình xây dựng trên phần đất được thu hồi để thực hiện dự án xây dựng Đại học Quốc Gia. Ngày 08 tháng 4 năm 2019, Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) ban hành quyết định số 1660/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình nhà ở thuộc diện phải giải tỏa để thu hồi đất.

Qua xem xét các hồ sơ và tài liệu có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) nhận thấy đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục đối với việc ban hành Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2019. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) đề nghị giữ nguyên Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Bích L trình bày:

Ngày 09/10/2001, ông Võ Tấn T8 cùng tất cả các thành viên trong gia đình đã bán cho bà phần đất có diện tích 3.573,3m² (Đo đạc thực tế là 4.634,8m²) thuộc một phần lô số 260-143 tờ bản đồ thứ 6, xã T9 (Tài liệu trước năm 1975); Một phần thửa 43, tờ 1, xã T9, huyện T10 nay là phường L1, quận T11 (nay là thành phố T2) (Theo tài liệu 299/TTG). Việc mua bán các bên có lập thành văn bản và có ông Đào Thanh B làm chứng.

Bà đã giao đủ tiền cho gia đình ông T8, đồng thời gia đình ông T8 đã bàn giao toàn bộ phần đất trên cho bà quản lý sử dụng từ năm 2001.

Trước đó, vào tháng 01 năm 1999, ông Võ Tấn T8 đã cùng Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường L1 quận T11 (nay là thành phố T2) tiến hành lập “Biên bản đền bù bàn giao đất và nhận tiền đền bù”.

Theo nội dung Biên bản thì phần đất 79,1m² (nằm trong khuôn viên phần

đất 4.634,8m²) mà ông T8 bàn giao cho bà thuộc dự án quy hoạch Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 72/TTg ngày 27/01/1995; Quyết định số 15/2001/QĐ-TTg ngày 12/02/2001 và Quyết định số 660/QĐ-TTg ngày 17/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã giao cho ông T8 số tiền 13.367.000 đồng theo Phiếu chi số 103 ngày 12/02/1999.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền từ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, gia đình ông T8 vẫn quản lý và sử dụng phần đất này cho đến khi bán và bàn giao cho bà vào năm 2001.

Ngày 11/01/2018, Chủ tịch UBND quận T11 (nay là thành phố T2) ban hành Quyết định số 185/QĐ-UBND Về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông T12 (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương”.

Ngày 08/4/2019, cho rằng Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 hết thời hạn thi hành nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) ban hành Quyết định số 1660/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình nhà ở thuộc diện phải giải tỏa thu hồi đất để thay thế Quyết định số 185/QĐ-UBND nêu trên. Về nội dung và tính chất pháp lý và căn cứ để ban hành hai quyết định này là như nhau.

Theo bà L thì phần đất này (79,1m²) thuộc dự án của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) lại ban hành Quyết định cưỡng chế buộc phải giao đất để phục vụ thực hiện dự án Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông T12 (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương là không đúng quy định của pháp luật.

Rõ ràng, dự án Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông T12 (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương nếu có thu hồi đất thì cũng phải dựa trên cơ sở pháp lý do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và giao cho Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư. Còn dự án của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thì Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo làm chủ đầu tư. Đất thuộc dự án Đại học Quốc gia nhưng lại cưỡng chế giao cho dự án khác (dự án Mở rộng Quốc lộ 1). Hai chủ đầu tư khác nhau nên hiện nay bà chưa giao đất để thực hiện dự án.

Bà L đề nghị Tòa án xem xét tuyên hủy Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2).

Tại bản án hành chính sơ thẩm 1129/2020/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2), Thành phố Hồ Chí Minh về cưỡng chế phá dỡ công trình nhà ở thuộc diện phải giải tỏa để thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 11/8/2020, 12/8/2020 người khởi kiện bà Võ Kim T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phát biểu: Người bị kiện không cung cấp được văn bản pháp lý điều chuyển diện tích đất từ dự án Đại học Quốc gia sang dự án mở rộng Quốc lộ 1. Năm 1998 Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng quận T11 (nay là thành phố T2) đã lập thủ tục bồi thường 79,1m² cho ông T8. Ngày 12/02/1999 ông T8 đã nhận tiền bồi thường cho dự án Đại học Quốc gia. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) tiếp tục ban hành quyết định cưỡng chế, buộc bà T giao đất để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 là không đúng quy định pháp luật, cùng 01 diện tích đất mà cơ quan Nhà nước thu hồi 02 lần để thực hiện 02 dự án. Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L với ông T8 là có thật. Mặc dù việc mua bán giấy tay là không đúng quy định nhưng pháp luật đất đai qua các thời kỳ vẫn có sự điều chỉnh đối với giao dịch chuyển nhượng không đúng về hình thức. bà L, bà T đã nhiều lần có đơn đề nghị thay đổi người được hưởng bồi thường, do bà L và ông T8 không có tranh chấp. Các bên thực hiện giao dịch chuyển nhượng vào năm 2001 nhưng sau đó mới làm giấy xác nhận để hạn chế tranh chấp liên quan đến phần đất. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, bà L, sửa bản án sơ thẩm hủy quyết định 1660/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Việc ông T8 quản lý sử dụng đất phù hợp với quy định pháp luật đất đai. Diện tích đất thuộc dự án Đại học Quốc gia được điều chỉnh nhiều lần quá các giai đoạn nhưng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) vẫn thu hồi theo diện tích ban đầu là không đúng. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có quyết định giao đất cho Đại học Quốc gia, nên việc thu hồi đất trái pháp luật. Quyết định 3453/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi đất là sai, quy trình thu hồi đất là sai. Do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định sai pháp luật nên người dân không cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản đồ hiện trạng vị trí đất là không đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy Quyết định 1660/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Nguồn gốc đất của ông T8 (cha bà T). ông T8 đã nhận tiền bồi thường, khi Nhà nước thu hồi đất. Việc bồi thường thực hiện đúng quy định về áp giá bồi thường, nên Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) ban hành quyết định 1660/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất là có căn cứ. Người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo những không có tài liệu chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Đơn kháng cáo của người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T2 xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Ngày 08/4/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) ban hành Quyết định 1660/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình nhà ở thuộc diện phải giải tỏa để thu hồi diện tích đất 79,1m² thuộc một phần thửa 43, tờ 1, xã T9, huyện T10 nay là phường L1, thành phố T2, đối với bà Võ Kim T. bà T cho rằng phần đất trên của gia đình bà đã được thu hồi, bồi thường để thực hiện dự án Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1998, nhưng Quyết định 1660/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất cho dự án mở rộng Quốc lộ 1. Hơn nữa, năm 2001 gia đình bà T đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất cho bà Trần Thị Bích L. Hiện nay, bà L là người quản lý, sử dụng đất. Do đó, chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) ban hành Quyết định 1660/QĐ-UBND là không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định trên.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) cho rằng quyết định hành chính bị kiện được ban hành đúng quy định pháp luật, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

[3.1] Quyết định 1660/QĐ-UBND được ban hành chưa thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định, cụ thể:

Diện tích đất 79,1m² nằm trong tổng diện tích 4.634,8m² bị cưỡng chế thu hồi có nguồn gốc trước đây ông Võ Tấn T8 khai hoang, đến năm 2001 ông T8 cùng gia đình chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất này và tài sản trên đất cho bà Trần Thị Bích L. Hai bên có viết giấy tay và có sự chứng kiến của ông Đào Thanh B. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như giải quyết tranh chấp giữa các bên trước đây, và tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Kim T (người đại diện theo ủy quyền là ông Đào Thanh B), cũng như bà L đều thừa nhận diện tích đất trên và tài sản trên đất vào năm 2001 gia đình ông T8 đã chuyển nhượng cho bà L, và bà L đã quản lý sử dụng cho đến nay, hiện bà L đã xây dựng một số công trình trên đất.

Tại biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 25/9/2013 của Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng (BL 158) và biên bản trị giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất ngày 28/12/2015 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng (BL 166), đều xác định diện tích đất và tài sản trên đất là của ông Võ Tấn T8 (sau khi ông T8 chết thì bà T là người đại diện những người thừa kế của ông T8) đứng tên chủ tài sản được bồi thường. Như vậy, mặc dù diện tích đất và tài sản trên đất là của ông T8, nhưng năm 2001 gia đình ông T8 đã chuyển nhượng cho bà L. bà L đã quản lý, sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay. Quá trình sử dụng, bà L đã xây dựng một số công trình trên đất, nhưng trước khi ban hành Quyết định 1660/QĐ-UBND Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) không tiến hành lập biên bản xác minh hiện trạng tài sản trên đất là của ai, xây dựng năm nào để từ đó áp dụng việc bồi thường và buộc tháo dỡ đúng quy định pháp luật.

[3.2] Quyết định 1660 ban hành không đúng chủ thể và đối tượng áp dụng:

Như đã phân tích tại mục [3.1], diện tích đất 79,1m² nằm trong tổng diện tích 4.634,8m² các bên đã thừa nhận vào năm 2001 gia đình ông T8 đã chuyển nhượng cho bà L. Hiện nay các bên vẫn thừa nhận và không có tranh chấp. Xét, việc chuyển nhượng các bên chưa tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định. Tuy nhiên việc chuyển nhượng giữa các bên là có thật và hiện tại bà L là người quản lý, sử dụng diện tích đất và tài sản trên đất từ năm 2001 cho đến nay. bà L cho rằng sau khi sang nhượng bà có xây dựng thêm một số công trình (nhà trọ) và có một phần nằm trong diện tích thu hồi 79,1m². Tại biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 25/9/2013 của Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng (BL 158) và biên bản trị giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất ngày 28/12/2015

của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng (BL 166) đều thể hiện trên diện tích 79,1m² bị cưỡng chế có 21,338m² nhà xây nền xi măng.

Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) ban hành Quyết định 185/QĐ-UBND (Quyết định 1660/QĐ-UBND thay Quyết định 158/QĐ-UBND), bà T đại diện cho những người thừa kế của ông T8 có đơn kiến nghị yêu cầu thay đổi tên chủ sử dụng trong quyết định cưỡng chế. Tuy nhiên, tại công văn số 1553/UBND-TNMT ngày 09/4/2018 Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) đã bác kiến nghị của bà T.

Xét thấy, diện tích đất 79,1m² bị cưỡng chế theo Quyết định 1660/QĐ-UBND nằm trong tổng diện tích 4.634,8m² vào năm 2001 gia đình ông T8 đã chuyển nhượng cho bà L, cùng tài sản trên đất. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình bà L quản lý, sử dụng và có tạo dựng một số tài sản trên đất, trên diện tích 79,1m² hiện có 21,338m² nhà xây. bà L cho rằng diện tích nhà này do gia đình bà xây nhà trọ. Tuy nhiên, trước khi ban hành Quyết định 1660/QĐ-UBND, Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) không tiến hành lập biên bản kiểm kê để xác định chủ sở hữu của tài sản này để ban hành quyết định buộc chủ sở hữu thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với tài sản này theo quy định. Tại biên bản trị giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất ngày 28/12/2015 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng quận T11 (nay là thành phố T2) xác định bà Võ Kim T (đại diện những người thừa kế của ông T8) nhận bồi thường số tiền 122.929.750 đồng trị giá diện tích đất 79,1m² là không đúng, vì diện tích đất này gia đình ông T8 đã chuyển nhượng cho bà L vào năm 2001. Mặt khác, Quyết định 1660/QĐ-UBND về việc cưỡng chế với lý do bà Võ Kim T là đại diện những người thừa kế của ông Võ Tấn T8 (chết năm 2013) là không đúng chủ thể, vì tài sản này thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Trần Thị Bích L.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện, đầy đủ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[5] Án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Võ Kim T không phải. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) phải chịu 300.000 đồng

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Võ Kim T, bà Trần Thị Bích L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015,

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Võ Kim T; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích L; Sửa bản án sơ thẩm số 1129/2020/HC-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Luật Đất đai năm 2013; Luật Nhà ở năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim T

Hủy Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2), Thành phố Hồ Chí Minh về cưỡng chế phá dỡ công trình nhà ở thuộc diện giải tỏa để thu hồi đất.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Võ Kim T không phải chịu, hoàn trả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025937 ngày 21/6/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T11 (nay là thành phố T2) phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

II. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Võ Kim T không phải chịu, hoàn trả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0092383 ngày 20/8/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị Bích L không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An Nguyễn Văn Khương

Trần Văn Mười

